ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3485 /KH-UBND	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 5 năm 2018*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 – 2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009; Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP, ngày 01/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg, ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030".

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 – 2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh, không ngừng cải thiện, nâng cao tinh thần, vật chất, bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước, của tỉnh và từng bước tiếp cận mức sống tối thiểu trong từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả vật chất và tinh thần, phù hợp với vòng đời con người, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân; bảo đảm người dân khi gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đầy đủ, đúng luật pháp về trợ giúp xã hội; tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân có hoàn cảnh khó khăn; mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, ưu tiên người nghèo, người sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số; nâng mức trợ giúp xã hội phù hợp với vòng đời, khả năng ngân sách địa phương và xu hướng chung; bảo đảm người dân khi gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp xã hội, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu giai đoạn 2018 - 2020

+ 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện mở rộng đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định.

+ 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

- Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

+ 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng, thực hiện chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số theo quy định; tiếp tục thực hiện mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội.

+ 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

- Tầm nhìn đến năm 2030

+ 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; điều chỉnh mức trợ cấp xã hội theo quy định của Nhà nước và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

+ 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Kế hoạch được thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2030, chia theo 3 giai đoạn cụ thể: 2018 - 2020, 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

3. Thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội theo các quy định hiện hành. Trên cơ sở các chính sách trợ cấp xã hội theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng của Trung ương sẽ triển khai áp dụng tại địa phương; thực hiện mức chuẩn và hệ số trợ giúp xã hội do Nhà nước quy định, có thể đề xuất mức trợ cấp xã hội cao hơn trong trường hợp tỉnh có điều kiện.

- Thực hiện chính sách, phát triển dịch vụ trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các kế hoạch, chương trình, chính sách liên quan.

4. Quản lý Nhà nước về trợ giúp xã hội

- Thống nhất một cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội; bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ngành liên quan.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội.

- Cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ cấp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt chính sách trợ cấp xã hội, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan đến hỗ trợ thực hiện.

5. Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH, ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2025 và quy định khác của Trung ương và phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội công lập có đủ điều kiện trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Xây dựng mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện, hướng đến năm 2030 các địa phương có nhân viên công tác xã hội, trợ giúp xã hội chuyên nghiệp.

6. Huy động sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội

Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, xây dựng kế hoạch, phân bổ ngân sách phù hợp; nâng định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội cao hơn mức hiện nay.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí cho các đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, cơ sở ngoài công lập cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

Tăng cường hợp tác, học tập kinh nghiệm với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài trong việc hỗ trợ kinh nghiệm, thu hút nguồn lực để triển khai các hoạt động của Kế hoạch theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, các sở, ngành và địa phương xây dựng dự toán ngân sách gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; lồng ghép với dự án phát triển trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế thuộc chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội khác.

Phần kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội và các mô hình được thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án: Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng; Trợ giúp phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; Đề án trợ giúp người khuyết tật; Phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2020 và chương trình hành động quốc gia người cao tuổi. Từ năm 2021, các nội dung này được bố trí dự toán từ ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch theo định hướng chung của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, điều phối thực hiện các hoạt động của kế hoạch này; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho việc thực hiện kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch vào kế hoạch phát triển – kinh tế xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hướng dẫn việc sử dụng kinh phí theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương; tổ chức thực hiện hoạt động của kế hoạch phù hợp với chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch với các chương trình khác có liên quan

trên địa bàn; chủ động bố trí ngân sách để thực hiện; thường xuyên kiểm tra và báo cáo việc thực hiện kế hoạch theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành, các tổ chức liên quan trong phạm vi, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Lao động – TBXH (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động – TB&XH;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu VT, KGVX (Th.33b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

H'Yim Kđoh